

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng
đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí, lệ phí;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg, ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 07/2014/NQ-HĐND, ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

b) Đối tượng áp dụng

- Người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật.

- Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được tổ chức thu lệ phí hộ tịch đối với đối tượng nêu trên gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng.

2. Mức thu

a) Mức thu áp dụng đối với đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn:

- Khai sinh: 4.000 đồng.
- Kết hôn: 15.000 đồng.
- Nhận cha, mẹ, con: 10.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch: 2.000 đồng/1 bản sao.
- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch: 3.000 đồng.
- Các việc đăng ký hộ tịch khác: 5.000 đồng.

b) Mức thu áp dụng đối với đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

- Cấp lại bản chính giấy khai sinh: 10.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch: 3.000 đ/1 bản sao.
- Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch: 25.000 đồng.

c) Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài:

- Khai sinh: 75.000 đồng.
- Kết hôn: 1.500.000 đồng.
- Khai tử: 75.000 đồng.
- Nhận con ngoài giá thú (bao gồm nhận cha, mẹ, con): 1.500.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc: 8.000 đồng/1 bản sao.
- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch: 15.000 đồng.
- Các việc đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng.

3. Các trường hợp được miễn

a) Miễn lệ phí đăng ký khai tử (trừ trường hợp khai tử có yếu tố nước ngoài).

b) Miễn lệ phí hộ tịch khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với: khai sinh; kết hôn (trừ trường hợp kết hôn có yếu tố nước ngoài); thay đổi cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch.

c) Miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký kết hôn cho người dân thuộc các dân tộc ở vùng sâu, vùng xa; miễn lệ phí hộ tịch về đăng ký khai sinh cho trẻ em của hộ nghèo theo quy định.

4. Lệ phí hộ tịch đối với việc đăng ký nuôi con nuôi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi và các văn bản hướng dẫn.

Điều 2. Đơn vị thu

UBND cấp xã, Phòng Tư pháp cấp huyện, Sở Tư pháp khi thực hiện hoặc tham mưu UBND cùng cấp thực hiện việc đăng ký hộ tịch có trách nhiệm thu lệ phí theo đúng quy định của Quyết định này và các văn bản có liên quan.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí hộ tịch

1. Lệ phí hộ tịch là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu lệ phí hộ tịch được trích lại 80% trên tổng số tiền lệ phí thu được hàng năm để trang trải chi phí cho việc thu lệ phí theo quy định; số còn lại 20% nộp vào ngân sách nhà nước.

2. Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu lệ phí hộ tịch có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí theo quy định pháp luật về phí và lệ phí.

3. Về chứng từ thu lệ phí: Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi thu lệ phí phải lập và cấp biên lai thu tiền lệ phí cho đối tượng nộp lệ phí theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế.

Điều 4.

1. Giao Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước và Cục trưởng Cục Thuế tỉnh trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2011/QĐ-UBND ngày 30/01/2011 của UBND tỉnh Sóc Trăng về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng đối với lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: NC, HC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thành Nghiệp